

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ: THỰC TIỄN TRIỂN KHAI VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN HẠNH
Trường Đại học Nha Trang

Nhận bài ngày 01/7/2026. Sửa chữa xong 05/8/2026. Duyệt đăng 17/8/2026.

Abstract

This study evaluates the implementation and effectiveness of integrating digital technology into 30% of the instructional time allocated to political theory courses at Nha Trang University. A mixed-methods approach was employed, combining learning management system (LMS) data analysis with a questionnaire survey of 141 students. The findings indicate that the model has produced several positive outcomes: 86.5% of respondents considered the video lectures concise and easy to understand, 87.1% reported that the model enabled greater flexibility and autonomy in managing their study time, and 84.4% supported maintaining the 30% online learning component. Technical support provided by the technology company through the ntu.evobright.edu.vn platform also achieved an 85% student satisfaction rate. Nevertheless, psychological and motivational barriers remain significant, as 50.3% of students acknowledged occasionally losing interest and adopting a superficial approach to screen-based self-study. Some students also regarded digital learning as a convenient means of avoiding active engagement with courses they found unappealing. These findings suggest that, despite its current limitations, the integration of digital technology into political theory courses is both necessary and potentially effective. The article proposes several key measures, including designing more interactive digital lectures, strengthening lecturers' learning-data management competencies, and establishing closer coordination among the university, students, and educational technology providers.

Keywords: Digital transformation, LMS, Nha Trang University, online learning, political theory.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá các học phần Lý luận chính trị ở đại học của Việt Nam luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia. Trong những năm gần đây, việc ứng dụng công nghệ giáo dục (EdTech) vào giảng dạy đã được nhiều cơ sở giáo dục đại học triển khai và bước đầu mang lại những kết quả tích cực. Để đánh giá tính hiệu quả của việc triển khai ứng dụng công nghệ số vào giảng dạy và đánh giá các học phần Lý luận chính trị đã có nhiều công trình nghiên cứu sớm để cập. Tiêu biểu, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung phân tích làm rõ thực trạng chuyển đổi từ phương pháp truyền thống sang mô hình Blended Learning và Lớp học đảo ngược ở bậc đại học. Trong đó, nghiên cứu về việc giảng viên (GV) sử dụng nền tảng LMS, MS Teams để cung cấp bài giảng video và tài liệu, thúc đẩy sinh viên (SV) chủ động tự học và tăng cường tương tác trực tiếp trên lớp rất được chú trọng. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoà Bình (2025) là một hướng đi mới có tính thực tiễn cao. Tác giả tập trung phân tích điểm mạnh và điểm yếu của mô hình Blended Learning, chỉ rõ triển vọng của mô hình này trong giáo dục đại học 4.0. Đề xuất thay thế hình thức vấn đáp, tự luận truyền thống bằng thuyết trình trực tuyến, làm video hoặc dự án nghiên cứu để đo lường năng lực thực tế của người học của Lê Thị Hoa (2024) có nhiều điểm mới. Bài viết này đi sâu phân tích, làm rõ các đặc điểm của mô hình học tập kết hợp và đề xuất các định hướng giải pháp trong quá trình triển khai học tập kết hợp ở cấp đại học. Đặc biệt bài viết của Nguyễn Phước Tài, & Nguyễn Thuận Quý (2026). Chỉ rõ kết quả của việc ứng dụng mô hình Blended Learning vào giảng dạy triết học Mác-Lênin cho sinh viên quốc tế đã và đang mang lại hiệu quả tích cực. Cho thấy các nghiên cứu tập trung làm rõ về việc áp dụng mô hình Blended Learning vào

Email: hanhvn@ntu.edu.vn

giảng dạy đại học nói chung và giảng dạy các học phần lý luận chính trị nói riêng ở đại học đang được ứng dụng chuyên sâu gắn với từng ngành và lĩnh vực cụ thể. Ngoài ra còn có kết quả nghiên cứu khác nhấn mạnh giải pháp nâng cao nhu cầu học tập lý luận chính trị thông qua đa dạng hóa phương thức tiếp cận và ứng dụng công nghệ số ở các trường đại học, cao đẳng trên cả nước như: Mai Thị Dung & Trương Thị Xuân Hương (2023), Bùi Trường Giang (2018), Nguyễn Minh Hải & Nguyễn Quang Dương (2022), Lê Thị Hoa (2024), Nguyễn Phước Tài & Nguyễn Thuận Quý (2026), .v.v. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng mô hình mới giúp cải thiện đáng kể kết quả học tập, tăng cường tính tương tác GV với SV, đồng thời hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm như quản lý thời gian, làm việc nhóm và tự học là những yếu tố cốt lõi trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, các bài viết còn cho thấy quá trình triển khai thực tế tại các trường đại học vẫn chưa có sự thống nhất cao về mô hình, nội dung và phương thức tổ chức trên nền tảng số. Điều này xuất phát từ sự khác biệt về định hướng đào tạo, đặc điểm ngành nghề, quy mô người học, mô hình quản trị và điều kiện hạ tầng công nghệ của từng cơ sở giáo dục. Vì vậy, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy các học phần Lý luận chính trị cũng khác nhau giữa các cơ sở đào tạo.

Trường Đại học Nha Trang là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực với quy mô đào tạo trên 15.000 SV, có thế mạnh trong các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, công nghệ thực phẩm và kinh tế biển. Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số giáo dục đại học, việc đổi mới phương pháp giảng dạy các học phần Lý luận chính trị tại trường vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa có tính đặc thù riêng. Để hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi số, ngày 09/4/2026, Trường Đại học Nha Trang đã ban hành Quyết định số 525/QĐ-ĐHNT “Về việc thí điểm đào tạo trực tuyến các học phần Lý luận chính trị, với tỷ lệ 30% thời lượng học tập được triển khai trên hệ thống Quản lý học tập (LMS)” [7, 2026]. Mô hình này hướng đến việc phát huy tính chủ động của người học, giảm tải thời lượng học trực tiếp, tăng cường các hoạt động thảo luận, tương tác và phát triển tư duy phản biện cho SV. Từ thực tiễn triển khai mô hình thí điểm, bài viết tập trung đánh giá hiệu quả của việc tích hợp công nghệ số trong giảng dạy và đánh giá các học phần Lý luận chính trị tại Trường Đại học Nha Trang; phân tích những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong bối cảnh chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng khung lý thuyết học tập kết hợp (Blended Learning) theo mô hình xoay vòng (Rotation Model), cụ thể là hình thức lớp học đảo ngược (Flipped Classroom). Với thời lượng 30% trên không gian số, SV chủ động tự học qua hệ thống LMS (bài giảng video, tài liệu số, diễn đàn thảo luận) trước khi tham gia 70% thời lượng học trực tiếp trên lớp để tương tác và giải quyết tình huống gắn với thực tiễn do GV gợi mở. Nghiên cứu tập trung trả lời câu hỏi về việc tích hợp 30% công nghệ số tác động như thế nào đến nhận thức (mức độ hứng thú, sự tự tin) và kết quả học tập (điểm số, tư duy phản biện) học phần Lý luận chính trị của SV tại Trường Đại học Nha Trang. Nghiên cứu còn dựa trên kết quả đánh giá điểm quá trình 50% và 50% điểm thi cuối kỳ của SV làm cơ sở đánh giá tính hiệu quả của việc áp dụng mô hình mới.

2.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Về đối tượng tham gia, tác giả thực hiện khảo sát ngẫu nhiên 141/180 SV đang theo học các học phần Lý luận chính trị có ứng dụng công nghệ số tại Trường Đại học Nha Trang trong thời gian học kỳ hè năm học 2025-2026 bằng bảng hỏi trực tuyến (Google Forms), kết hợp phân tích dữ liệu học tập (Learning Analytics) trên hệ thống LMS. Trong đó Learning Analytics (Phân tích học tập) là quá trình thu thập, phân tích và khai thác dữ liệu do người học tạo ra trong quá trình học tập trên các nền tảng số nhằm theo dõi tiến độ, đánh giá hiệu quả học tập, dự báo nguy cơ học tập và hỗ trợ GV tối ưu hóa hoạt động dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo các học phần Lý luận chính trị. Đặc biệt, tác giả sử dụng phương pháp logic và lịch sử để lý giải các hạn chế, bất cập còn tồn tại trong quá trình triển khai mô hình.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hiệu quả tích cực từ góc nhìn của sinh viên

Kết quả khảo sát đối với 141/180 SV tham gia học phần Lý luận chính trị tại Trường Đại học Nha Trang

theo mô hình tích hợp 30% thời lượng học trực tuyến trên hệ thống LMS cho thấy mô hình này đã nhận được sự đón nhận tích cực từ phía người học, bước đầu khẳng định tính hiệu quả trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy của nhà trường. Trước hết, có tới 86,5% SV đánh giá các video bài giảng được thiết kế ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu hơn so với việc tự nghiên cứu giáo trình [8, 2026]. Điều này cho thấy việc chuyển tải kiến thức thông qua học liệu số đã góp phần giảm bớt tính hàn lâm, khô khan vốn tồn tại ở các học phần Lý luận chính trị, giúp người học dễ tiếp cận các nội dung nền tảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Cùng với đó, 87,1% SV cho rằng hình thức học qua video giúp họ chủ động về thời gian, có thể xem lại nhiều lần những nội dung chưa hiểu và tự điều chỉnh tiến độ học tập theo năng lực cá nhân, giảm áp lực khi học tập. Đây là một trong những ưu thế nổi trội của mô hình học tập kết hợp (Blended Learning), góp phần hình thành năng lực tự học và nâng cao trách nhiệm của người học trong quá trình tiếp thu tri thức. Bên cạnh việc tạo điều kiện thuận lợi cho học tập cá nhân, mô hình còn nhận được sự đồng thuận cao về tính bền vững, khi 84,4% SV bày tỏ mong muốn tiếp tục duy trì tỷ lệ 30% học trực tuyến. Kết quả này phản ánh sự thay đổi tích cực trong nhận thức của SV đối với hình thức học số, đồng thời khẳng định mô hình mới không làm giảm chất lượng học tập mà còn tạo điều kiện để các giờ học trực tiếp trên lớp tập trung nhiều hơn vào hoạt động trao đổi, thảo luận góp phần phát triển tư duy phản biện của SV. Bên cạnh đó, 85% SV hài lòng với công tác hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị cung cấp nền tảng học tập, cho thấy yếu tố hạ tầng công nghệ và dịch vụ hỗ trợ đã đáp ứng tốt yêu cầu triển khai mô hình. Việc hợp tác với công ty chuyên cung cấp về dịch vụ trên nền tảng số cho thấy sự quan tâm và đầu tư của nhà trường, qua đó khắc phục những hạn chế về mặt công nghệ từ GV, tạo điều kiện cho GV có thêm thời gian nâng cao trình độ chuyên môn; SV được quan tâm, chăm sóc và hỗ trợ kịp thời các vấn đề khó khăn khi học trực tuyến. Để dễ nhận thấy, tác giả khái quát kết quả khảo sát (Nguồn: Khảo sát tại Trường Đại học Nha Trang, tháng 07 năm 2026 (n = 141), bằng bảng dưới đây:

Bảng 1: Mức độ đón nhận mô hình học số 30% của sinh viên

STT	Chỉ số khảo sát	Tỷ lệ sinh viên
1	Chủ động thời gian học tập	87,1%
2	Video ngắn gọn, dễ hiểu	86,5%
3	Hài lòng với hỗ trợ kỹ thuật LMS	85,0%
4	Ủng hộ tiếp tục duy trì mô hình 30%	84,4%

Bảng 1 cho thấy các chỉ số đều đạt trên 80% từ phản ánh của người học là tín hiệu tích cực cần được tiếp tục nghiên cứu và phát huy. Biểu đó cũng cho thấy tính lịch sử và logic từ thực tiễn triển khai mô hình. Về tính lịch sử việc chuyển đổi học tập trên nền tảng số là xu thế chung và phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ, nhất là của trí tuệ nhân tạo (AI). Về tính logic, việc thay đổi phương pháp giảng dạy và học tập không làm mất đi tính khoa học, hệ thống và bản chất của môn học lý luận chính trị. Chính công nghệ sẽ góp phần hỗ trợ người dạy và học về nội dung tri thức của nhân loại, vai trò của GV là biến tri thức đó vận dụng vào thực tiễn có hiệu quả để lý giải các hiện tượng xã hội và mang tính lịch sử vừa logic.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực đạt được, kết quả khảo sát cũng phản ánh một thực tế cần được quan tâm hơn khi có đến 50,3% SV thừa nhận đôi lúc mất hứng thú hoặc có tâm lý học đối phó trong quá trình tự học qua màn hình trực tuyến. Mặc dù đây là một tỷ lệ đáng lưu ý, nhưng không phản ánh sự phủ nhận tính hiệu quả của mô hình học số mà chủ yếu xuất phát từ đặc điểm tâm lý của người học trong môi trường trực tuyến và yêu cầu cao về năng lực tự học của SV. Điều này cũng cho thấy hiệu quả của mô hình không chỉ phụ thuộc vào nền tảng công nghệ mà còn gắn chặt với chất lượng thiết kế học liệu, mức độ tương tác của bài giảng và vai trò định hướng của GV. Điều này phù hợp với nhận định: *“Như vậy Blended learning mang đến một trải nghiệm học tập pha trộn giữa giảng dạy trực tiếp và giảng dạy trực tuyến dựa trên các nền tảng công nghệ 4.0. Phương pháp dạy học này đã chứng tỏ được hiệu quả thực tế của mình trong bậc dạy học đại học hiện nay”* [5, tr.45]. Nhìn chung, các kết quả khảo sát đã cung cấp bằng chứng thực tiễn cho thấy mô hình học số với 30% thời lượng trực tuyến không chỉ được đa số SV đón nhận mà còn góp phần nâng cao tính chủ động, hiệu quả học tập và khả năng thích ứng với môi trường giáo dục số, tạo cơ sở quan trọng để tiếp tục nhân rộng và từng bước hoàn thiện mô hình trong thời gian tới. Bên cạnh đó,

việc áp dụng mô hình này cho đối tượng đào tạo từ xa, cao học, tiến sĩ, cũng là một cách phù hợp trong bối cảnh giảm tải các học phần nặng về lý thuyết, hàn lâm và tăng tính tương tác, tranh luận, phản biện góp phần nâng cao hiệu quả tư duy phản biện mà mục tiêu các học phần lý luận chính trị hướng đến.

Bên cạnh việc nhận được sự quan tâm, ủng hộ của SV về mô hình mới, kết quả học tập trên nền tảng số cũng là dấu hiệu cho thấy tính hiệu quả của hình thức này. Kết quả phân loại điểm quá trình 30% trên nền tảng số ở bảng số liệu dưới đây là một minh chứng cụ thể:

Bảng 2. Phân loại kết quả kiểm tra 30% trên nền tảng số của SV lớp CNXH1

Mức đánh giá	Khoảng điểm	Số SV	Tỷ lệ (%)
Dưới TB	Dưới 5.0	8	4.5
Trung bình	Từ 5.0 đến 6.5	0	0
Khá	Từ 6.5 đến 8.0	1	0.6
Tốt	Từ 8.0 đến 10.0	168	94.9
Tổng		177	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả kiểm tra trên nền tảng học tập số của lớp CNXH1.

Nhìn chung, phổ điểm của lớp CNXH1 tập trung rất mạnh ở nhóm điểm cao, cho thấy kết quả học tập của phần lớn SV không chỉ tốt mà còn tương đối đồng đều. Trong tổng số 177 SV có dữ liệu, có đến 168 bạn đạt mức tốt (từ 8,0 đến 10,0 điểm), chiếm tỷ lệ áp đảo 94,9%. Số còn lại chỉ có duy nhất 1 SV đạt mức khá (0,6%), không có ai ở mức trung bình, và 8 SV xếp loại dưới trung bình (4,5%). Với điểm trung bình chung của toàn lớp đạt 8,66 và điểm trung vị lên tới 9,18, có thể khẳng định phần lớn SV đã tham gia rất hiệu quả vào hoạt động tự học cũng như hoàn thành tốt các bài kiểm tra trắc nghiệm trên nền tảng số. Một điểm đáng lưu ý là cả 8 trường hợp dưới trung bình đều nhận điểm 0.0. Hệ thống cũng không ghi nhận bất kỳ tiến trình hay hoạt động học tập nào của các bạn này trên LMS. Điều này chứng tỏ kết quả thấp hoàn toàn là do SV bỏ học hoặc không tham gia, chứ không phản ánh đúng năng lực làm bài của họ. Thực tế, nếu loại bỏ các trường hợp vắng học, tỷ lệ SV đạt mức tốt sẽ lên tới 99,4% và điểm trung bình của cả lớp sẽ là 9,07. Thông qua các số liệu trên cho thấy mô hình học tập trực tuyến đang mang lại tín hiệu rất tích cực, nhưng để đánh giá một cách toàn diện và chính xác nhất hiệu quả của phương pháp này, chúng ta vẫn cần xem xét thêm các yếu tố khác như: độ khó của bộ câu hỏi trắc nghiệm, số lần SV được phép làm bài, và khả năng thực tế trong việc ghi nhớ, vận dụng kiến thức sau khóa học của SV.

3.2. Thách thức và rào cản công nghệ trong quá trình học tập của sinh viên

Bên cạnh những kết quả tích cực, khảo sát của tác giả cũng cho thấy việc triển khai mô hình học tập với 30% thời lượng trên nền tảng số vẫn tồn tại một số hạn chế cần được quan tâm nhằm bảo đảm tính bền vững của mô hình. Trước hết, rào cản lớn nhất không nằm ở yếu tố công nghệ mà xuất phát từ tâm lý và hành vi học tập của người học, đây là một yếu tố khách quan đối với GV và nhà trường phải đối mặt trong quá trình đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy 50,3% SV thừa nhận đôi lúc cảm thấy mất hứng thú hoặc có xu hướng học đối phó khi tự học qua video trực tuyến. Điều này phản ánh rằng môi trường học trực tuyến đòi hỏi người học phải có tính tự giác cao, kỹ năng quản lý thời gian hợp lý và khả năng duy trì sự tập trung cao độ hơn so với hình thức học trực tiếp ở lớp. Khi thiếu sự giám sát trực tiếp của GV, một bộ phận SV dễ bị phân tán bởi các yếu tố bên ngoài hoặc chỉ hoàn thành bài học số để đáp ứng yêu cầu của học phần thay vì hướng tới mục tiêu lĩnh hội tri thức, nâng cao tư duy phản biện. Kết quả này cũng phần nào phản ánh khó khăn xuất phát từ nguồn tuyển sinh đầu vào còn thấp, chất lượng SV có hạn và ý thức tự học sẽ là bài toán đang đặt ra cho GV và nhà trường cần sớm khắc phục.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra nguyên nhân của hiện tượng này. Nhiều SV cho biết mức độ tập trung giảm đáng kể sau khoảng 10 phút xem video, đặc biệt khi nội dung chủ yếu là trình bày lý thuyết, ít hình ảnh minh họa hoặc thiếu các hoạt động tương tác như câu hỏi kiểm tra nhanh, câu hỏi tư duy. Điều này cho thấy tính hiệu quả của học liệu số không chỉ phụ thuộc vào nội dung chuyên môn mà còn chịu tác động lớn bởi cách thiết kế sư phạm số, trong đó thời lượng video, tính trực quan và mức độ tương tác đóng vai trò quyết định trong việc duy trì động lực học tập của SV. Một khi ý thức học tập của SV mang tính đối phó còn cao, cộng

với bài giảng công nghệ chưa hoàn thiện và công cụ giám sát còn nhiều bất cập sẽ làm giảm tính hiệu quả của quá trình học tập. Bên cạnh yếu tố tâm lý, hạ tầng công nghệ vẫn là một thách thức nhất định trong quá trình triển khai mô hình này. Mặc dù được SV đánh giá hệ thống LMS vận hành ổn định và 85% hài lòng với dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, vẫn còn một bộ phận SV phản ánh tình trạng đường truyền Internet không ổn định, lỗi đăng nhập hoặc gián đoạn truy cập hệ thống... Những hạn chế này có thể ảnh hưởng đến trải nghiệm học tập, đặc biệt đối với SV ở khu vực có điều kiện kết nối mạng chưa đồng đều, ổn định. Hạn chế này xuất phát từ thực tế là SV của trường chủ yếu là con em ở vùng nông thôn và miền núi, chiếm đa số. Trong thời gian học trên hệ thống LMS, các bạn thường dành thời gian ở nhà. Đường truyền sẽ thường xuyên gặp sự cố. Để khắc phục khó khăn này, đối với nhà trường cần có cơ chế hỗ trợ thông qua học phí, sắp xếp thời khóa biểu linh hoạt hợp lý hơn.

Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) cũng đặt ra những thách thức mới đối với hoạt động đánh giá. Việc SV sử dụng các công cụ AI để hoàn thành bài tập trực tuyến, nếu thiếu cơ chế kiểm soát phù hợp có thể làm giảm tính trung thực học thuật, ảnh hưởng đến khả năng đánh giá đúng năng lực người học và tính công bằng trong kiểm tra, đánh giá. Vì vậy, bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng công nghệ, nhà trường cần chú trọng nâng cao chất lượng học liệu số, tăng cường thiết kế các hoạt động học tập có tính tương tác, đồng thời xây dựng cơ chế quản lý và sử dụng AI một cách có trách nhiệm nhằm bảo đảm hiệu quả và tính bền vững của mô hình học số. Mặc dù 94,9% SV lớp CNXH1 đạt mức tốt, phổ điểm tập trung quá cao ở khoảng 8,0 -10,0 và hầu như không có SV ở mức trung bình cho thấy kết quả có thể chưa phản ánh đầy đủ sự phân hóa về năng lực [9, 2026]. Điều này có thể xuất phát từ việc câu hỏi trắc nghiệm còn đơn giản, SV được làm bài nhiều lần, có thể tra cứu tài liệu trong quá trình làm bài hoặc trao đổi đáp án qua các công cụ số. Vì vậy, điểm số cao chưa đồng nghĩa hoàn toàn với khả năng tự học, tư duy độc lập và mức độ hiểu sâu kiến thức. Bên cạnh đó, có 8 SV dưới trung bình đều nhận điểm 0, cho thấy môi trường học tập số vẫn tồn tại nguy cơ tạo ra khoảng cách giữa các nhóm người học. Các nguyên nhân có thể liên quan đến thiết bị không phù hợp, đường truyền Internet không ổn định, lỗi đăng nhập, thao tác chưa thành thạo, bỏ lỡ thời hạn hoặc thiếu khả năng tự quản lý tiến độ học tập. Trong trường hợp này, điểm 0 có thể phản ánh sự gián đoạn trong việc tiếp cận công nghệ hơn là năng lực học tập thực tế của SV. Ngoài ra, hệ thống chủ yếu ghi nhận việc truy cập, hoàn thành nội dung và kết quả trắc nghiệm, nhưng khó kiểm soát mức độ tập trung, tính trung thực và chất lượng của quá trình tự học. Do đó, kết quả trên nền tảng số cần được kết hợp với thảo luận, bài tập tự luận, hoạt động tương tác trực tiếp và đánh giá quá trình để bảo đảm tính khách quan, hạn chế sự phụ thuộc vào công nghệ và phản ánh chính xác hơn năng lực của người học.

Kết quả đối chiếu giữa điểm kiểm tra trên nền tảng số và điểm thi vấn đáp trực tiếp của lớp CNXH1 cho thấy sự chênh lệch đáng kể về mức độ thể hiện năng lực của SV. Trong 172 SV có đủ hai cột điểm, điểm kiểm tra trực tuyến trung bình đạt khoảng 8,44, trong khi điểm thi vấn đáp chỉ đạt khoảng 6,16, chênh lệch 2,28 điểm. Có 90,7% SV đạt mức tốt ở phần kiểm tra trực tuyến, nhưng tỷ lệ này giảm còn 25,0% khi thi vấn đáp; ngược lại, tỷ lệ dưới trung bình tăng từ 0,6% lên 17,4% [8, 2026]. Đặc biệt, 83,7% SV có điểm vấn đáp thấp hơn điểm kiểm tra trực tuyến [9, 2026]. Kết quả này cho thấy điểm số trên nền tảng số chưa phản ánh đầy đủ khả năng hiểu sâu, ghi nhớ, lập luận và diễn đạt kiến thức của người học trong tình huống tương tác trực tiếp. Sự khác biệt trên có thể bắt nguồn từ một số hạn chế của quá trình học và đánh giá trực tuyến. SV có xu hướng tập trung hoàn thành nhiệm vụ để đạt điểm hơn là chủ động hệ thống hóa kiến thức; việc làm bài trắc nghiệm chủ yếu kiểm tra khả năng nhận biết và lựa chọn đáp án, trong khi thi vấn đáp đòi hỏi tái hiện kiến thức, giải thích và phản hồi ngay. Ngoài ra, môi trường số cho phép tra cứu tài liệu, trao đổi đáp án, làm bài nhiều lần hoặc sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo, làm giảm khả năng phân hóa của điểm kiểm tra. Tuy nhiên, kết quả vấn đáp cũng có thể chịu ảnh hưởng bởi tâm lý căng thẳng, kỹ năng diễn đạt và mức độ thống nhất trong chấm thi. Để khắc phục, cần kết hợp trắc nghiệm trực tuyến với câu hỏi tự luận ngắn, thảo luận, thuyết trình và vấn đáp định kỳ; giới hạn số lần làm bài, thiết kế câu hỏi vận dụng theo tình huống và tăng phản hồi của GV. Đồng

thời, cần hướng dẫn SV kỹ năng tự học, tư duy phản biện, sử dụng công nghệ có trách nhiệm và đánh giá kết quả bằng nhiều phương thức để phản ánh chính xác hơn năng lực thực chất.

3.3. Thảo luận

Sơ so sánh, đối chiếu kết quả khảo sát 141 SV Trường Đại học Nha Trang với các nghiên cứu trước đây về dạy học số: Việc triển khai lớp học số của các bài nghiên cứu trước đây được đánh giá là đối mặt với nhiều thách thức. Trước hết, hạ tầng internet thiếu ổn định và việc SV chủ yếu sử dụng điện thoại thay cho máy tính làm giảm hiệu quả tương tác. Năng lực công nghệ của GV còn hạn chế, trong khi thời gian chuẩn bị học liệu số tăng đáng kể. Việc lạm dụng công nghệ cũng có thể làm suy giảm giao tiếp trực tiếp, giảm hứng thú học tập và gây khó khăn trong quản lý hoạt động nhóm. Bên cạnh đó, khoảng cách số tạo ra sự bất bình đẳng đối với SV vùng sâu, vùng xa hoặc người học lớn tuổi. Các phương pháp đánh giá truyền thống cũng chưa phù hợp với môi trường số, đồng thời phát sinh những vấn đề về an ninh mạng và sở hữu trí tuệ. Vì vậy, công nghệ cần được sử dụng hợp lý để hỗ trợ, không thay thế hoàn toàn sự tương tác giữa GV và SV. Tất cả những đánh giá này đều có sự tương đồng với thực trạng triển khai ở Trường Đại học Nha Trang. Khác biệt là tỷ lệ SV làm bài trên hệ thống LMS có điểm số cao chiếm đa số. Điều đó phản ánh mức độ đánh giá trên nền tảng của nhà trường còn nhiều lỗ hổng, nhất là mức độ phân loại SV chưa phát huy hiệu quả, cần có quá trình đầu tư nghiên cứu phân loại bộ câu hỏi trắc nghiệm theo chuẩn Bloom. Tuy nhiên, việc kết hợp 30% công nghệ số không làm giảm đi tính định hướng tư tưởng mà nâng cao tư duy phản biện cho SV nếu có phương pháp đánh giá phù hợp. Hình thức giảng dạy mới về cơ bản đã đáp ứng được mục tiêu của chuyển đổi số, khắc phục thực trạng giảng dạy lý thuyết hàn lâm tại lớp, đa dạng hình thức học tập tạo cho SV có thói quen tự học và làm bài trên nền tảng số. Về phía GV phần nào giảm tải thời gian đứng lớp một thực tế lâu nay chưa được giải quyết triệt để, đồng thời hình thức này góp phần đáp ứng Thông tư 20 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc GV không được vượt quá 200 giờ/năm học. Về phía nhà quản lý, việc ứng dụng công nghệ số vào quản lý giảng dạy, đánh giá trong giáo dục đại học là một bước đi phù hợp với xu thế chung của quốc tế; nó còn góp phần giúp nhà trường giải quyết khó khăn về bài toán nhân lực và tài chính trong bối cảnh chuyển sang mô hình từ chủ đại học mức độ 2.

3.4. Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy và đánh giá các học phần lý Luận chính trị ở Trường Đại học Nha Trang trong giai đoạn hiện nay

3.4.1. Nâng cao năng lực số cho GV, cải tiến cách ra đề trên LMS để kiểm soát đạo đức học thuật của SV trước làn sóng AI đang nở rộ. Đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá. Trong đó, kết hợp trắc nghiệm trực tuyến với tự luận ngắn, thuyết trình, thảo luận nhóm và vấn đáp trực tiếp là một phương pháp khá toàn diện. Điều chỉnh tỷ trọng điểm giữa thi trực tuyến và thi trực tiếp. Trong đó, không nên phụ thuộc quá lớn vào bài trắc nghiệm trực tuyến, tăng cường đánh giá năng lực tư duy phản biện của SV. Đối với ngân hàng câu hỏi, cần được phân hóa theo các mức chuẩn của thang đo Bloom, đồng thời giới hạn số lần làm bài, thời gian làm bài, đảo câu hỏi và kiểm soát thời gian phù hợp.

3.4.2. Từng bước đổi mới thiết kế hoạt động học trực tuyến thường xuyên, khắc phục tính nhàm chán của bài giảng đối với người học. Cụ thể, nội dung số không nên chỉ dừng ở việc xem video và trả lời câu hỏi trắc nghiệm, mà cần bổ sung tình huống thực tiễn, câu hỏi mở, sơ đồ hóa kiến thức, diễn đàn trao đổi và nhiệm vụ yêu cầu SV giải thích bằng ngôn ngữ của mình thông qua sơ đồ tư duy. Qua đó, hoạt động trực tuyến chuyển từ ghi nhớ thụ động sang tự học có định hướng và tư duy phản biện.

3.4.3. Phát triển năng lực tự học và năng lực số của SV. Vấn đề này yêu cầu GV cần hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, ghi chép, tự kiểm tra, trình bày lập luận và sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm. Việc sử dụng AI phải gắn với yêu cầu kiểm chứng nguồn, giải thích kết quả và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm học tập. GV cần tổ chức các buổi giải đáp, thảo luận chuyên đề và kiểm tra nhanh trực tiếp sau mỗi nội dung học số. Phản hồi kịp thời giúp phát hiện những trường hợp hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa hiểu bản chất kiến thức, khắc phục tình trạng học và thi có tính chất đối phó.

3.4.4. Chuẩn hóa ngân hàng câu hỏi thi vấn đáp và bảo đảm điều kiện công nghệ. Cần xây dựng bộ câu hỏi, tiêu chí và thang điểm thống nhất nhằm giảm ảnh hưởng của tâm lý và tính chủ quan khi chấm. Nhà trường đồng thời cần cải thiện đường truyền, hỗ trợ thiết bị và cảnh báo sớm những SV

không truy cập hoặc chậm tiến độ. Hàng năm, GV cần cập nhật, bổ sung ngân hàng câu hỏi đảm bảo tính ổn định về kiến thức lý luận nhưng vừa cập nhật kịp thời nội dung có tính thời sự.

4. Kết luận

Quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 525/QĐ-ĐHNT về cơ bản đã khắc phục được tình trạng quá tải giờ giảng các học phần Lý luận chính trị cho GV của trường. Việc chuyển 30% giờ giảng trực tiếp sang hình thức học trực tuyến giúp SV chủ động hơn trong kế hoạch học tập, thông qua đó góp phần nâng cao ý thức tự học cho SV. Nội dung bài giảng trực tuyến được nghiên cứu, đầu tư bài bản cả về nội dung và hình thức, ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong việc theo dõi và đánh giá mọi tương tác của SV trên nền tảng số. Về ý nghĩa lý luận, nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả và những vấn đề đặt ra khi triển khai mô hình học tập kết hợp trực tiếp với trực tuyến trong giáo dục đối với các học phần lý luận chính trị ở bậc đại học. Kết quả cho thấy mức độ hoàn thành tốt các đánh giá trên nền tảng số chưa hoàn toàn đồng nhất với năng lực hiểu sâu, lập luận và diễn đạt kiến thức của SV trong thi vấn đáp trực tiếp. Qua đó, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải phân biệt giữa kết quả học tập được hệ thống ghi nhận với năng lực thực chất của người học sau khi học xong các học phần lý luận chính trị. Đây cũng chính là mặt trái của việc ứng dụng công nghệ vào giáo dục nói chung và giáo dục lý luận chính trị nói riêng đòi hỏi phải vận dụng linh hoạt, bám sát thực tiễn và tôn trọng tính đặc thù của từng học phần. Về ý nghĩa thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp minh chứng để nhà trường và GV lý luận chính trị Trường Đại học Nha Trang điều chỉnh cách tổ chức dạy học, xây dựng học liệu số và đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá. Việc kết hợp trực nghiệm trực tuyến với tự luận, thảo luận, thuyết trình và vấn đáp trực tiếp có thể nâng cao khả năng phân hóa, hạn chế học đối phó và phản ánh toàn diện hơn năng lực SV. Đồng thời, cần tăng cường hỗ trợ hạ tầng số, bồi dưỡng năng lực số cho GV và hướng dẫn SV kỹ năng tự học, tư duy phản biện, sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm. Về hạn chế, nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi một học phần và một nhóm SV của Trường Đại học Nha Trang nên khả năng khái quát còn hạn chế. Sự chênh lệch giữa điểm thi trực tuyến và điểm thi vấn đáp cũng là điều tất yếu bởi kết quả còn chịu ảnh hưởng của độ khó đề thi, số lần làm bài, tâm lý thi, kỹ năng diễn đạt và tính chủ quan trong chấm vấn đáp. Nghiên cứu cũng chưa có nhóm đối chứng và chưa theo dõi sự thay đổi năng lực trong thời gian dài. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng mẫu, so sánh nhiều học phần và áp dụng các phương pháp đánh giá chuẩn hóa hơn. Bên cạnh đó, cần có sự đầu tư bài bản, có lộ trình và chuyên sâu hơn vào hình thức, nội dung của bài giảng số. Tăng cường sự tương tác, thảo luận thường xuyên, kịp thời giữa SV với GV về bài giảng trực tuyến qua đó kịp thời điều chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng bài giảng các học phần lý luận chính trị.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Trường Giang (2018). Tăng cường giáo dục ý thức chính trị cho học viên các Học viện Công an nhân dân ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (7), 77–80. <http://dlib.vienthongtinkhoahoc.org.vn/handle/123456789/23398>.
- Lê Thị Hoa (2024). Bàn về Blended Learning tại các trường đại học hiện nay: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng* (Số đặc biệt: HTKH Quốc gia), 40–49. <https://doi.org/10.59294/HIUIJS.KHQG.2024.004>.
- Mai Thị Dung và Trương Thị Xuân Hương (2023). Điều kiện học tập lý luận chính trị của sinh viên Trường Đại học Công đoàn – Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (364), 74–77. <http://dlib.vienthongtinkhoahoc.org.vn/handle/123456789/31047>.
- Nguyễn Minh Hải và Nguyễn Quang Dương (2022). Thực trạng học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học Trường Đại học Tây Nguyên*, (52), 118–122. <https://tckhtn.ttn.edu.vn/index.php/tckh/article/view/144>.
- Nguyễn Phước Tài và Nguyễn Thuận Quý (2026). Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược kết hợp công nghệ số trong giảng dạy triết học Mác-Lênin cho sinh viên y khoa quốc tế: Nghiên cứu bán thực nghiệm tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 1–10. Advance online publication. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3144.1941>.
- Nguyễn Thị Hòa Bình (2025). *Mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) trong kỷ nguyên 4.0: Thực tiễn và triển vọng áp dụng trong giáo dục đại học*. <https://doi.org/10.70879/HFZScVhoz>.
- Trường Đại học Nha Trang (2026, ngày 9 tháng 4). *Quyết định số 525/QĐ-ĐHNT về việc thí điểm đào tạo trực tuyến các học phần lý luận chính trị* [Tài liệu lưu trữ nội bộ].
- Trường Đại học Nha Trang, Phòng Đào tạo Đại học (2026a, ngày 22 tháng 7). *Bảng điểm lớp chủ nghĩa xã hội 1 học kỳ 3 năm học 2025–2026* [Tài liệu lưu trữ nội bộ].
- Trường Đại học Nha Trang, Phòng Đào tạo Đại học (2026b, ngày 10 tháng 7). *Kết quả bảng khảo sát sinh viên lớp chủ nghĩa xã hội 1 học kỳ 3 năm học 2025–2026* [Tài liệu lưu trữ nội bộ].